

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/DS-ST

Ngày: 29-11-2022.

“V/v tranh chấp về dân sự -
Hợp đồng tín dụng và hợp đồng
thế chấp tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Oanh;

2. Ông Nguyễn Chí Công;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Văn An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022, “V/v tranh chấp về dân sự - Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-DS ngày 12/10/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 847/2022/QĐST-DS ngày 08/11/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S (hay còn gọi là Ngân hàng S).

Địa chỉ: Số 266-268, đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Lưu Văn H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Đồng Tháp. (Quyết định ủy quyền số: 3977/2020/QĐ-PL, ngày 28/12/2020).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hon: Ông Nguyễn Trần T, sinh năm 1987, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Lai Vung - Ngân hàng thương mại cổ phần S– Chi nhánh Đồng Tháp. (Giấy ủy quyền số: 442/GUQ-CNĐT, ngày 28/10/2021).

Địa chỉ liên hệ: Số 496A, Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: 1/ Anh Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 1984.

2/ Chị Nguyễn Thị Diệu Th, sinh năm 1989.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th: Anh Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: Số nhà 149/5, ấp Hòa Kh, xã Vĩnh Th, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1961.

4/ Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Số nhà 149/5, ấp Hòa Kh, xã Vĩnh Th, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Anh Phạm Anh H, sinh năm 1972.

2/ Chị Nguyễn Thị Xuân Th, sinh năm 1977.

3/ Phạm Quốc Đ, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Nhà không số, đường D7 khu dân cư S, ấp Tân L, xã Tân Th, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T, anh Tr có mặt; bà Hơ, ông M, chị Th, Anh H và anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trần T trình bày:*

- Ngày 12/5/2020, anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th có ký hợp đồng tín dụng số LD2013300165 với Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch Lai Vung để vay số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất cho vay 12%/năm, thời hạn trả hết nợ là ngày 12/5/2030, phương thức trả nợ là vốn gốc chia làm 120 kỳ trả vào ngày 20 hàng tháng, lãi trả định kỳ vào ngày 20 theo dư nợ thực tế, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngày 24/4/2021, anh Nguyễn Quốc Tr, chị Nguyễn Thị Diệu Th có ký Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD2013300165 với Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch Lai Vung sửa đổi Điều 3 và bổ sung khoản 9.9 Điều 9 của hợp đồng tín dụng số LD2013300165 ngày 12/5/2020 lãi suất cho vay 12,05%/năm. Dư nợ tính đến ngày 29/11/2022 là 1.064.371.713 đồng vốn gốc và 296.347.694 đồng nợ lãi. Trước khi khởi kiện tại Tòa án, Ngân hàng S đã nhiều lần đến nhà làm việc và thông báo về việc anh Tr và chị Th đã trễ hạn trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký nhưng anh Tr và chị Th vẫn không thanh toán nên Ngân hàng S ngưng cấp tín

dụng kết thúc hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ trước hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay, anh Tr và chị Th ký hợp đồng thế chấp số 2013300165 ngày 12/5/2020 với Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch Lai Vung thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm: 1/ Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 102, diện tích 100,0m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn; 2/ Nhà ở: Loại nhà ở riêng lẻ, cấp 4, hình thức sở hữu riêng, diện tích xây dựng 100,0m², diện tích sàn 100,0m², tọa lạc tại xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CV431712, sổ vào sổ CS08463 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Nguyễn Quốc Tr ngày 08/5/2020. Đồng Thời, hợp đồng thế chấp này cũng đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho các cam kết của bên được cấp tín dụng với Sacombank dưới hình thức cấp tín dụng theo quy định của pháp luật.

- Ngày 01/7/2020, chị Nguyễn Thị Diệu Th có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 534 và Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch Lai Vung tiếp nhận ngày 04/7/2020 cấp hạn mức mở thẻ là 100.000.000 đồng, lãi suất vay là 2,05%/tháng, ngày chốt nợ là ngày 22 hàng tháng, phương thức trả nợ hàng tháng trừ tiền từ thẻ tín dụng đã vay 3% số tiền giao dịch + lãi + phí và trả cho đến khi hết nợ, dư nợ tính đến ngày 29/11/2022 là 152.930.000 đồng (trong đó nợ giao dịch là 102.800.887 đồng, phí là 5.891.656 đồng, lãi quá hạn 44.705.193 đồng). Theo cam kết của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 534 thể hiện nếu bên được cấp tín dụng có tài sản bảo đảm tại Sacombank thì nghĩa vụ bảo đảm của tài sản đó đương nhiên bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ. Tuy nhiên, Ngân hàng S có chính sách giảm lãi nợ thẻ tín dụng cho khách hàng nên Ngân hàng tự nguyện giảm 10.000.000 đồng tiền lãi và giảm các khoản tiền phí là 5.891.656 đồng.

Trước đây, nguyên đơn có khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Ngọc H, anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th trả số tiền vay 360.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 202025458356 ngày 17/6/2020, hợp đồng thế chấp số 202025458356A ngày 17/6/2020; Yêu cầu anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th cùng liên đới trả số tiền nợ thẻ tín dụng là 47.017.299 đồng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 153/2017 ngày 30/11/2017. Tuy nhiên, ngày 16/6/2022 nguyên đơn đã nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Syêu cầu anh Nguyễn Quốc Tr, chị Nguyễn Thị Diệu Th có nghĩa vụ cùng liên đới trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng số LD2013300165 ngày 12/5/2020 là 1.360.719.407 đồng (trong đó vốn gốc là

1.064.371.713 đồng và nợ lãi trong hạn là 11.486.345 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 21/7/2021 đến ngày 29/11/2022 là 284.861.349 đồng) và nợ thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 534 tính đến ngày 29/11/2022 là 137.506.080 đồng (trong đó vốn gốc là 102.800.887 đồng, tiền lãi là 34.705.193 đồng). Tổng cộng là 1.498.225.487 đồng (Một tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi bảy đồng) và tiếp tục trả tiền lãi quá hạn, lãi phạt theo các hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Yêu cầu công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản số 2013300165, ngày 12/5/2020 được ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Svor Anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th có hiệu lực pháp luật. Trường hợp anh Tr và chị Th chưa thanh toán xong khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số LD2013300165 ngày 12/5/2020 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 534 ngày 04/7/2020 như đã cam kết thì Ngân hàng thương mại cổ phần Svor yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp.

Buộc anh Phạm Anh H, chị Nguyễn Thị Xuân Th và anh Phạm Quốc Đ, sinh năm 2003 và Phạm Quốc Th1, sinh năm 2012 di dời tài sản cá nhân và rời khỏi căn nhà để giao trả tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 102, diện tích 100,0m², tọa lạc tại xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cho anh Tr và chị Th thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký nêu trên.

Nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì anh Nguyễn Quốc Tr, chị Nguyễn Thị Diệu Th phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Về án phí và chi phí tố tụng khác đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bị đơn anh Nguyễn Quốc Tr và anh Tr đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thị Diệu Th trình bày:

Anh Tr và chị Th thống nhất với trình bày của nguyên đơn là anh Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th có ký hợp đồng tín dụng số LD2013300165 với Ngân hàng S – Phòng giao dịch Lai Vung vào ngày 12/5/2020 để vay số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất cho vay 12%/năm, thời hạn trả hết nợ là ngày 12/5/2030, phương thức trả nợ là vốn gốc chia làm 120 kỳ trả vào ngày 20 hàng tháng, lãi trả định kỳ vào ngày 20 theo dư nợ thực tế. Anh Tr và chị Th có ký giấy nhận nợ số 01 ngày 12/5/2020. Ngày 24/4/2021, anh Nguyễn Quốc Tr, chị

Nguyễn Thị Diệu Th có ký Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD2013300165 với Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch Lai Vung sửa đổi Điều 3 và bổ sung khoản 9.9 Điều 9 của hợp đồng tín dụng số LD2013300165 ngày 12/5/2020 lãi suất cho vay 12,05%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 12/5/2020, anh Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th có ký hợp đồng thế chấp số 2013300165 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm: Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 102, diện tích 100,0m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn; Nhà ở: Loại nhà ở riêng lẻ, cấp 4, hình thức sở hữu riêng, diện tích xây dựng 100,0m², diện tích sàn 100,0m², tọa lạc tại xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CV431712, số vào sổ CS08463 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Nguyễn Quốc Tr ngày 08/5/2020. Đồng thời, hợp đồng thế chấp số 2013300165 ngày 12/5/2020 cũng đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho các cam kết của bên được cấp tín dụng với Sacombank dưới hình thức cấp tín dụng theo quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 29/11/2022, anh Tr và chị Th còn nợ Ngân hàng S theo hợp đồng tín dụng nêu trên số tiền là 1.360.719.407 đồng (trong đó tiền vốn vay là 1.064.371.713 đồng và tiền lãi là 296.347.694 đồng).

Ngày 01/7/2020, chị Nguyễn Thị Diệu Th có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng vay số tiền 100.000.000 đồng với Ngân hàng S - Phòng giao dịch Lai Vung, lãi suất vay là 2,05%/tháng. Dự nợ tính đến ngày 29/11/2022 là 152.930.000 đồng. Mặc dù chị Th là người ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 534 vay số tiền 100.000.000 đồng nhưng anh Tr đã sử dụng số tiền này cho người khác mượn và hàng tháng anh Tr là người chuyển tiền vào số tài khoản của chị Th để thanh toán tiền vay và tiền lãi của khoản vay này. Vì vậy anh Tr và anh Tr đại diện theo ủy quyền của chị Th đồng ý cùng liên đới trả tiền vay và tiền lãi của khoản vay thẻ tín dụng theo yêu cầu của nguyên đơn.

Mặc dù Ngân hàng S đã nhiều lần đến nhà làm việc và thông báo về việc anh Tr và chị Th đã trễ hạn trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký nhưng anh Tr và chị Th không có khả năng trả nợ. Do đó, anh Tr và chị Th đồng ý cùng liên đới trả tiền vay và tiền lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký số LD2013300165 ngày 12/5/2020 là 1.360.719.407 đồng (*trong đó vốn gốc là 1.064.371.713 đồng và nợ lãi trong hạn là 11.486.345 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 21/7/2021 đến ngày 29/11/2022 là 284.861.349 đồng*) và nợ thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 534 tính đến ngày 29/11/2022 là 137.506.080 đồng (*trong đó vốn gốc là 102.800.887 đồng, tiền lãi là 34.705.193 đồng*). Tổng cộng là 1.498.225.487 đồng (*Một tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi bảy đồng*).

Anh Tr và chị Th đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 2013300165, ngày 12/5/2020 được ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sông An với anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th. Trường hợp số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì anh Tr và chị Th đồng ý tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Căn nhà của anh Tr và chị Th trên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 102, tọa lạc tại ấp Tân Lộc, xã Tân Thành, huyện Lai Vung đã thế chấp cho Ngân hàng hiện nay gia đình chị Th gồm Nguyễn Thị Xuân Th, Phạm Anh H, Phạm Quốc Đ, sinh năm 2003 và Phạm Quốc Thịnh, sinh năm 2012 đang ở nhờ trên căn nhà này từ sau khi anh Tr thế chấp nhà cho Ngân hàng. Thời điểm gia đình chị Th vào ở trong căn nhà thế chấp thì anh Tr và chị Th không thông báo cho Ngân hàng biết. Nay anh Tr và chị Th yêu cầu Tòa án buộc gia đình Anh H, chị Th, Quốc Đ và Quốc Thịnh di dời ra khỏi căn nhà giao trả lại căn nhà cho anh Tr và chị Th thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp đã ký.

Anh Tr và chị Th đồng ý chịu án phí và chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Ngọc H trình bày:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng ông M và bà H vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng và không có văn bản trình bày ý kiến, phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Xuân Th trình bày:* Chị Th là chị ruột của chị Th, do không có nhà ở nên Trạng và Th cho gia đình chị Th gồm Nguyễn Thị Xuân Th, Phạm Anh H, Phạm Quốc Đ sinh năm 2003 và Phạm Quốc Th1, sinh năm 2012 ở nhờ từ tháng 3/2021 cho đến nay. Chị Th không liên quan đến tài sản thế chấp của Trạng và Th, gia đình chị Th chỉ ở nhờ tạm một thời gian nên gia đình chị Th không đăng ký tạm trú tại căn nhà trên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 102, ấp Tân Lộc, xã Tân Thành. Gia đình chị Th sẵn sàng giao trả nhà lại cho Trạng và Th khi Ngân hàng phát mãi căn nhà này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Phạm Anh H, anh Phạm Quốc Đ trình bày:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên

hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh Phạm Anh H, anh Phạm Quốc Đ nhưng Anh H và anh Đ vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng và không có văn bản trình bày ý kiến, phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách đương sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện theo quy định tại các Điều 96, 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tổng đạt trực tiếp hoặc niêm yết các thủ tục tố tụng cho các đương sự được thực hiện đúng quy định tại các Điều 171, 175, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được thực hiện đúng quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa. Bị đơn là ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Ngọc H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Xuân Th, Phạm Anh H, Phạm Quốc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S và bị đơn là anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Dị Th. Công nhận hợp đồng thế chấp số số 2013300165 ngày 12/5/2020. Trường hợp ông Trạng và bà Th không thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc hộ ông Hào, bà Thảo và ông Đạt di dời tài sản trả lại nhà cho ông Trạng và bà Th.

Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng số 202025458356 ngày 17/6/2020 và hợp đồng tín chấp ngày 30/11/2017 không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên mức án phí đúng theo quy định của pháp luật.

- Chi phí thẩm định thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nợ vay, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng và yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung nên Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Ngọc H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Xuân Th, Phạm Anh H, Phạm Quốc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thị Xuân Th, Phạm Anh H, Phạm Quốc Đ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện trả tiền nợ vay, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của Ngân hàng S đối với anh Nguyễn Quốc Tr, chị Nguyễn Thị Dịu Th, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Ngọc H:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số LD2013300165 ngày 12/5/2020 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với anh Nguyễn Quốc Tr, chị Nguyễn Thị Dịu Th; giấy nhận nợ số 01 ngày 12/5/2020 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 534 ngày 04/7/2020; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD2013300165 ngày 24/4/2021 do nguyên đơn là Ngân hàng S cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Quốc Tr ngày 22/9/2022 và chị Nguyễn Thị Dịu Th ngày 04/8/2022 cũng như tại phiên tòa, anh Tr và anh Tr đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thị Dịu Th thừa nhận anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Dịu Th có ký hợp đồng tín dụng số LD2013300165 ngày

12/5/2020 và ký giấy nhận nợ số 01 ngày 12/5/2020 để vay số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất cho vay 12%/năm, đến ngày 24/4/2021 ký thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD2013300165 sửa đổi lãi suất 12,05%/năm. Ngày 01/7/2020, chị Nguyễn Thị Diệu Th có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng vay số tiền 100.000.000 đồng với Ngân hàng S - Phòng giao dịch Lai Vung, lãi suất vay là 2,05%/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 12/5/2020 anh Nguyễn Quốc Tr, chị Nguyễn Thị Diệu Th có ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Shopt đồng tín dụng số LD2013300165 (*kèm phụ lục lịch trả nợ*) để vay số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất cho vay 12%/năm, thời hạn trả hết nợ là ngày 12/5/2030, phương thức trả nợ là vốn gốc chia làm 120 kỳ trả vào ngày 20 hàng tháng và lãi trả định kỳ vào ngày 20 hàng tháng theo dư nợ thực tế và anh Tr ạng, chị Th đã ký giấy nhận nợ số 01 ngày 12/5/2020 để giải ngân số tiền 1.200.000.000 đồng. Ngày 24/4/2021, anh Tr và chị Th ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sthỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD2013300165 sửa đổi lãi suất cho vay là 12,05%/năm.

Đến ngày 20/7/2021, anh Tr và chị Th không trả nợ vốn và nợ lãi như thỏa thuận nên Ngân hàng S ngưng việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn và chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 21/7/2021 đối với hợp đồng tín dụng đã ký, dư nợ tính đến ngày 20/7/2021 là 1.070.000.000 đồng vốn vay và nợ lãi là 11.486.345 đồng. Ngày 24/11/2021, Ngân hàng S đã trừ từ tài khoản thẻ của anh Tr vào tiền vốn vay số tiền 5.628.287 đồng, như vậy số tiền gốc vay còn lại là 1.064.371.713 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 21/7/2021 đến ngày 29/11/2022 là 284.861.349 đồng, tổng cộng vốn vay và lãi là 1.360.719.407 đồng. Vì vậy Ngân hàng S yêu cầu anh Nguyễn Quốc Tr, chị Nguyễn Thị Diệu Th có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay và lãi tính đến ngày 29/11/2022 là 1.360.719.407 đồng là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Quốc Tr và Trạng đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Diệu Th thống nhất cùng liên đới trả số tiền vốn vay và tiền lãi tính đến ngày 29/11/2022 là 1.360.719.407 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn nên chấp nhận sự tự nguyện của anh Tr và chị Th.

Ngày 01/7/2020, chị Nguyễn Thị Diệu Th ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 534 và ngày 04/7/2020 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sduyet cấp hạn mức tín dụng cho chị Th số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 2,05%/tháng, ngày chốt thông báo giao dịch là ngày 22 hàng tháng. Đến ngày 22/7/2021 chị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, tính đến ngày 29/11/2022 chị Th còn nợ gốc số tiền 108.225.615 đồng (gồm tiền vốn giao dịch là 102.800.887 đồng và tiền phí 5.891.565 đồng) và nợ tiền lãi là 44.705.193 đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có chính sách giảm tiền lãi cho anh Tr, chị Th số tiền 10.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền phí là có

lợi cho anh Tr và chị Th. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu anh Tr và chị Th trả tiền vốn vay là 102.800.887 và tiền lãi là 34.705.193 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với anh Nguyễn Quốc Tr mặc dù anh Tr không trực tiếp ký tên vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 534 nhưng anh Tr thừa nhận anh biết việc chị Th ký tên vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng để vay số tiền 100.000.000 đồng tại Ngân hàng S và tiền vay do anh Tr sử dụng cho người khác mượn nên hàng tháng anh Tr là người chuyển tiền vào số tài khoản của chị Th để thanh toán tiền vay và tiền lãi của khoản vay này. Tại phiên tòa, anh Tr và anh Tr đại diện theo ủy quyền của chị Th thống nhất cùng liên đới trả tiền nợ thẻ tín dụng gồm tiền vốn vay 102.800.887 đồng và tiền lãi là 34.705.193 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 24 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận sự tự nguyện của anh Tr và chị Th.

Theo cam kết của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 534 chị Th đã ký có thể hiện nếu bên được cấp tín dụng có tài sản bảo đảm tại Sacombank thì nghĩa vụ bảo đảm của tài sản đó đương nhiên bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ. Điều 1 nghĩa vụ được đảm bảo của tài sản thế chấp thể hiện trong Hợp đồng thế chấp số 2013300165 ngày 12/5/2020 cũng đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho các cam kết của bên được cấp tín dụng với Sacombank dưới hình thức cấp tín dụng theo quy định của pháp luật. Như vậy, trường hợp anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th chưa thanh toán xong khoản nợ gốc và lãi của khoản nợ thẻ tín dụng nêu trên thì anh Tr và chị Th phải thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký.

Từ những căn cứ và Điều luật đã phân tích trên, xét thấy nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Svà bị đơn là anh Nguyễn Quốc Tr, chị Nguyễn Thị Diệu Th đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, vì vậy Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Svà bị đơn là anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th, sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S nợ vay theo hợp đồng tín dụng là 1.360.719.407 đồng (*trong đó vốn gốc là 1.064.371.713 đồng và nợ lãi trong hạn là 11.486.345 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 21/7/2021 đến ngày 29/11/2022 là 284.861.349 đồng*) và nợ thẻ tín dụng là 137.506.080 đồng (*trong đó vốn gốc là 102.800.887 đồng, tiền lãi là 34.705.193 đồng tính đến ngày 29/11/2022*). Tổng cộng là 1.498.225.487 đồng (*Một tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi bảy đồng*).

Tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận thể hiện tại hợp đồng tín dụng số LD2013300165 ngày 12/5/2020 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 534 ngày 04/7/2020 cho đến khi anh Tr và chị Th thi hành án xong.

Ngày 16/6/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần Snộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Ngọc H, anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th trả số tiền nợ 360.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 202025458356 ngày 17/6/2020, hợp đồng thế chấp số 202025458356A ngày 17/6/2020; Yêu cầu anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th cùng liên đới trả số tiền nợ thẻ tín dụng là 47.017.299 đồng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 153/2017 ngày 30/11/2017. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[2.3] Xét yêu cầu công nhận hiệu lực của hợp đồng thế chấp tài sản số 2013300165, ngày 12/5/2020 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Svới anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản số 2013300165, ngày 12/5/2020 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Svới anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th được ký kết với người có thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định. Nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các đương sự cũng không có tranh chấp nên có hiệu lực kể từ ngày đăng ký thế chấp.

Theo đó, anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th đã dùng tài sản bảo đảm là:

- + Quyền sử dụng đất thửa đất số 37, tờ bản đồ số 102, diện tích 100,0m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CV431712, số vào sổ CS08463 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Nguyễn Quốc Tr ngày 08/5/2020.

- + Nhà ở: Loại nhà ở riêng lẻ, cấp 4, hình thức sở hữu riêng, diện tích xây dựng 100,0m², diện tích sàn 100,0m² gắn liền với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 102, diện tích 100,0m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CV431712, số vào sổ CS08463 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Nguyễn Quốc Tr ngày 08/5/2020.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2022, chị Nguyễn Thị Xuân Th xác định, do không có nhà ở nên gia đình chị Th gồm Nguyễn Thị Xuân Th, Phạm Anh H, Phạm Quốc Đ sinh năm 2003 và Phạm Quốc Thịnh, sinh năm 2012 ở nhờ từ tháng 3/2021 cho đến nay. Chị Th không liên quan đến tài sản thế chấp của Trạng và Th, gia đình chị Th chỉ ở nhờ tạm một thời gian nên gia đình chị

Th không đăng ký tạm trú tại căn nhà trên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 102, ấp Tân Lộc, xã Tân Thành. Gia đình chị Th sẵn sàng giao trả nhà lại cho Trạng và Th để Trạng và Th thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng S, anh Tr và chị Th yêu cầu gia đình chị Th gồm chị Th, Anh H, Quốc Đ và Quốc Thịnh di dời tài sản cá nhân và rời khỏi căn nhà để giao trả tài sản thế chấp cho anh Tr và chị Th để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản số 2013300165, ngày 12/5/2020 đã ký là có cơ sở chấp nhận.

Do đó, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Tr và chị Th không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 và khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về chi phí tố tụng: Anh Tr và chị Th tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*). Số tiền này nguyên đơn đã nộp và chi xong nên anh Tr và chị Th phải nộp lại để trả cho nguyên đơn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Xét lời phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 325, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 4; Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 và khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Svà bị đơn là anh Nguyễn Quốc Tr, chị Nguyễn Thị Diệu Th.

Anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Dịu Th cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Stheo hợp đồng tín dụng số LD2013300165 ngày 12/5/2020 là **1.360.719.407 đồng** (trong đó vốn gốc là 1.064.371.713 đồng và nợ lãi trong hạn là 11.486.345 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 21/7/2021 đến ngày 29/11/2022 là 284.861.349 đồng) và nợ thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 534 ngày 04/7/2020 là **137.506.080 đồng** (trong đó vốn gốc là 102.800.887 đồng, tiền lãi là 34.705.193 đồng tính đến ngày 29/11/2022). **Tổng cộng là 1.498.225.487 đồng** (Một tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi bảy đồng). Tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận thể hiện tại hợp đồng tín dụng số LD2013300165 ngày 12/5/2020 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 534 ngày 04/7/2020 cho đến khi anh Tr và chị Th thi hành án xong.

2. Công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản số 2013300165, ngày 12/5/2020 được ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Svới anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Dịu Th có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng thương mại cổ phần Smà anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Dịu Th chưa thanh toán xong khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số LD2013300165 ngày 12/5/2020 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 534 ngày 04/7/2020 thì Ngân hàng thương mại cổ phần Scó quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 2013300165, ngày 12/5/2020.

Buộc anh Phạm Anh H, chị Nguyễn Thị Xuân Th và anh Phạm Quốc Đ, sinh năm 2003 và Phạm Quốc Th1, sinh năm 2012 di dời tài sản cá nhân và rời khỏi căn nhà để giao trả tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 102, diện tích 100,0m², tọa lạc tại xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cho anh Tr, chị Th thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký nêu trên.

Trong trường hợp anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Dịu Th đã thi hành án xong mà tài sản thế chấp không bị phát mãi để thi hành án thì Ngân hàng thương mại cổ phần Sphải trả lại cho bên thế chấp là anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Dịu Th toàn bộ bản chính giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 2013300165 ngày 12/5/2020. (Hiện Ngân hàng đang giữ).

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/5/2022).

3. Đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Ngọc H, anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th trả số tiền nợ 360.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 202025458356 ngày 17/6/2020, hợp đồng thế chấp số 202025458356A ngày 17/6/2020; Yêu cầu anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th cùng liên đới trả số tiền nợ thế tín dụng là 47.017.299 đồng theo giấy đề nghị cấp thế tín tụng kèm hợp đồng số 153/2017 ngày 30/11/2017.

4. Về án phí, tạm ứng án phí:

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần S còn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.909.000 đồng (*Ba mươi triệu, chín trăm lẻ chín nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006018 ngày 20/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th cùng liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.947.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) (chưa nộp).

5. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Diệu Th cùng liên đới chịu tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*). Số tiền này nguyên đơn đã nộp và chi xong nên anh Tr và chị Th phải nộp lại để trả cho nguyên đơn.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2022). Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Phụng